| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÀM THUẬN BẮC**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIÃ VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2024
*"V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,**
**TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ung Thanh Quang
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Văn Minh
2. Ông Nguyễn Thanh Sơn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 519/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2023, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con**"**; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2024 giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Loan T - sinh năm 1987 (vắng mặt có lý do)
Địa chỉ: Thôn 6, xã C, huyện B, tỉnh Bình Thuận

*2.Bị đơn*: Anh Trần Tiến L – sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 6, xã C, huyện B, tỉnh Bình Thuận

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 26/7/2023, đơn thay đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 12/9/2023 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Loan T trình bày:* Chị và anh Trần Tiến L tự tìm hiểu yêu thương nhau và sống chung vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Thuận, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, xung đột lẫn nhau, thường xuyên cải vả nhau, không tìm được tiếng nói chung, không có hạnh phúc, hai người không chung sống với nhau từ năm 2022. Nguyên nhân là vì mâu thuẫn về tiền bạc. Nay xét thấy tình cảm không còn nữa, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Loan T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Tiến L. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên: Trần Huỳnh Nhật K – sinh ngày 11/11/2010 và Trần Huỳnh An V – sinh ngày 20/11/2014. Khi ly hôn, chị T yêu cầu giao 02 con cho anh Trần Tiến L nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của chị Hùynh Thị Loan T và anh Trần Tiến L không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa vì chị Hùynh Thị Loan T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Tiến L đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt chứng tỏ đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Hùynh Thị Loan T và Trần Tiến L.

1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2024 đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con", qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân như sau: Theo lời khai của chị Huỳnh Thị Loan T và các tài liệu có tại hồ sơ thì chị Huỳnh Thị Loan T và anh Trần Tiến L sống chung vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C nên là hôn nhân hợp pháp. Chị Huỳnh Thị Loan T khai nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, xung đột lẫn nhau, thường xuyên cải vả nhau, không tìm được tiếng nói chung, không có hạnh phúc, hai người không chung sống với nhau từ năm 2022. Chị T xác định không còn tình cảm gì với anh L. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị Huỳnh Thị Loan T và anh Trần Tiến L mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Loan T.

3. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Loan T khai phù hợp các tài liệu có tại hồ sơ là vợ chồng có 02 con chung tên: Trần Huỳnh Nhật K – sinh ngày 11/11/2010 và Trần Huỳnh An V – sinh ngày 20/11/2014 hiện đang ở cùng anh L, khi ly hôn chị T đồng ý giao 02 con cho anh Trần Tiến L tiếp tục nuôi dưỡng và chị T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay anh L dẫn hai cháu đi nơi khác sinh sống không cho biết địa chỉ ở đâu nên không thể lấy lời khai của hai cháu được để biết nguyện vọng của hai cháu ở với ai, do 02 cháu đang ở với anh L nên việc chị Huỳnh Thị Loan T đồng ý

giao 02 con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

4. Về tài sản và nợ: Chị Huỳnh Thị Loan T không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Huỳnh Thị Loan T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Trần Tiến L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**2.Tuyên xử**:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Loan T đối với anh Trần Tiến L. Chị Huỳnh Thị Loan T được ly hôn với anh Trần Tiến L.

- Về con chung: Giao cháu Trần Huỳnh Nhật K – sinh ngày 11/11/2010 và Trần Huỳnh An V – sinh ngày 20/11/2014 cho anh Trần Tiến L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thị Loan T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

**3.Về án phí, lệ phí**: Chị Huỳnh Thị Loan T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0012812 ngày 29/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Loan T số tiền chênh lệch 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Trần Tiến L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

**4.Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Loan T và anh Trần Tiến L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận**;**
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Nơi đăng ký kết hôn UBND xã C;
-Các đương sự;

-Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Ung Thanh Quang**